

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Đường dây 220 kV Phong Thổ - Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 21 tháng 08 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đường dây 220 kV Phong Thổ - Than Uyên;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường dây 220 kV Phong Thổ - Than Uyên của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia tại Văn bản số 6145/EVNNPT- ĐTXD ngày 11 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5202/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên (sau đây gọi là Dự

án) của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (*sau đây gọi là Chủ dự án*) thực hiện tại các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Tả Lèng, Bình Lư, Mường Khoa, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Than, Khun Há, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Tả Lèng, Bình Lư, Mường Khoa, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Than, Khun Há; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng;
- UBND các xã, phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Tả Lèng, Bình Lư, Khun Há, Mường Khoa, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Than;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V2, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 220 KV PHONG THỔ - THAN UYÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường dây 220 kV Phong Thổ - Than Uyên.
- Địa điểm thực hiện dự án tại các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Tả Lèng, Bình Lư, Mường Khoa, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Than, Khun Há.
- Chủ dự án: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.
- Địa chỉ: Số 18 phố Trần Nguyên Hãn, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

1.2. Quy mô, công suất

Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên được thiết kế dạng tuyến, cấp điện áp 220kV, 02 mạch, chiều dài khoảng 88,91 km, điểm đầu (*Pooclich TBA 220kV Phong Thổ*), điểm cuối (*Pooclich TBA 220kV Than Uyên*), dây dẫn 2xACSR330/43 trên toàn tuyến và dây 2xAACSR465/60 đối với đoạn vượt hồ chứa nước Giang Ma, Dây PHLOX116, dây chống sét kết hợp cáp quang OPGW120 trên toàn tuyến và dây GSW120, OPGW140 đối với đoạn vượt hồ chứa nước Giang Ma, dùng cách điện treo chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, cột thép hình mạ kẽm nhúng nóng, móng trụ chiều sâu đặt móng dự kiến từ 3-5m.

Tọa độ vị trí cột góc lải của tuyến đường dây:

STT	Góc lải	Tọa độ các vị trí cột (VN2000, KTT 103°00, MC 3°)		STT	Góc lải	Tọa độ các vị trí cột (VN2000, KTT 103°00, MC 3°)	
		X	Y			X	Y
1	ĐĐ	2489313,890	534970,726	25	G17	2476215,056	557117,141
2	G1	2489136,660	535037,546	26	G18	2474210,646	558650,972
3	G1A	2487821,370	535530,555	27	G18A	2473142,851	560139,204
4	G1B	2487195,528	535872,310	28	G19	2472941,107	560300,096
5	G2	2485045,022	537569,331	29	G20	2471624,055	560701,895
6	G3	2484666,937	537852,076	30	G21	2469141,021	562692,778
7	G4	2483633,889	539337,230	31	G22	2468066,539	562998,322
8	G5	2482775,035	540352,992	32	G23	2466468,230	561859,279
9	G6	2482691,961	540776,925	33	G24	2462593,137	561019,978
10	G7	2482278,852	541260,848	34	G25	2461640,207	562648,574

STT	Góc lái	Tọa độ các vị trí cột (VN2000, KTT 103°00, MC 3°)		STT	Góc lái	Tọa độ các vị trí cột (VN2000, KTT 103°00, MC 3°)	
		X	Y			X	Y
11	G7A	2482422,582	541895,338	35	G26	2459594,956	563318,533
12	G7B	2480743,335	544266,579	36	G27	2458279,924	565789,428
13	G8	2479872,366	544349,575	37	G28	2457112,08	567347,367
14	G9	2479385,415	544911,207	38	G29	2452607,032	569269,416
15	G10	2479125,567	546493,763	39	G30	2448096,763	571937,381
16	G10A	2479545,112	546858,527	40	G31	2446546,259	571836,486
17	G10B	2479968,382	547543,237	41	G32	2442970,93	579143,985
18	G11	2479206,976	548304,490	42	G33	2439763,945	584970,076
19	G12	2479043,004	550471,561	43	G34	2439473,138	589810,067
20	G13	2477469,080	552287,309	44	G38	2440139,002	592561,603
21	G14	2476762,962	552716,815	45	G39	2439691,790	592947,919
22	G15	2476661,755	555240,019	46	G40	2439279,460	593140,298
23	G16	2476770,909	555870,664	47	ĐC	2439185,592	593091,037
24	G16A	2476334,993	556891,385				

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ sản xuất: Sử dụng công nghệ dẫn điện trên không để truyền tải điện từ TBA 220kV Phong Thổ đến TBA 220kV Than Uyên.

1.4. Phạm vi

Dự án được triển khai xây dựng trên địa bàn 09 xã, phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Tả Lèng, Bình Lư, Khun Há, Mường Khoa, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Than thuộc tỉnh Lai Châu với diện tích như sau:

Diện tích đất, đất rừng cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án khoảng 20,33 ha.

Diện tích đất ảnh hưởng bởi hành lang tuyến (*không bao gồm móng cột*) không thu hồi, chỉ hạn chế khả năng sử dụng khoảng 194,11 ha.

Tổng diện tích đất sử dụng tạm thời của dự án là 166,137 ha.

Tổng diện tích rừng tự nhiên phải chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án là 3,18 ha.

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính của dự án

Dự án Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên (184 vị trí móng trụ) bao gồm các công tác chính: Giải phóng mặt bằng; đào, đắp, xây dựng móng cột; dựng cột; lắp đặt phụ kiện và căng rải dây.

- Điểm đầu: Poctich TBA 220kV Phong Thổ.
- Điểm cuối: Poctich TBA 220kV Than Uyên.
- Cấp điện áp: 220kV.
- Số mạch: 02 mạch.
- Dây dẫn: Dây 2xACSR330/43 trên toàn tuyến và dây 2xAACSR465/60 đối với đoạn vượt hồ chứa nước Giang Ma.
- Dây chống sét: Dây PHLOX116, dây chống sét kết hợp cáp quang OPGW120 trên toàn tuyến và dây GSW120, OPGW140 đối với đoạn vượt hồ chứa nước Giang Ma.
- Cách điện: Dùng cách điện treo chế tạo theo tiêu chuẩn IEC.
- Cột: Dùng cột thép hình mạ kẽm nhúng nóng.
- Móng: Móng trụ chiều sâu đặt móng dự kiến từ 3 m - 5 m; trung bình cột néo có diện tích khoảng 1.150 m² (kích thước dài x rộng 33,91 m x 33,91 m), trung bình cột đỡ có diện tích khoảng 1.054 m² (kích thước dài x rộng: 32,46 m x 32,46 m).

b) Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

- Dự án chia thành 03 cung đoạn thi công tuyến đường dây. Tại mỗi cung đoạn thi công, Ban chỉ huy công trường và kho bãi tiếp nhận vật tư, vật liệu, kho bãi lán trại tạm:
 - + Cung đoạn 1: Từ điểm đầu đến G15. Lán trại, kho bãi tập kết dự kiến đặt tại đặt tại phường Đoàn Kết.
 - + Cung đoạn 2: Từ G15 đến G27. Lán trại, kho bãi tập kết dự kiến đặt tại xã Tả Lèng.
 - + Cung đoạn 3: Từ G27 đến ĐC. Lán trại, kho bãi tập kết dự kiến đặt tại xã Mường Than.
- Bãi thi công (184 vị trí): Mỗi vị trí cột bố trí 01 bãi thi công với diện tích khoảng 2.000 m²/vị trí;
- Bãi ra dây (37 vị trí): Mỗi vị trí cột néo bố trí 01 bãi ra dây với diện tích khoảng 100 m²/vị trí;
- Đường tạm thi công: Dự kiến có 177 vị trí cột cần làm đường tạm phục vụ thi công, các vị trí còn lại (07 vị trí) sử dụng đường hiện có trong khu vực.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định này: Tác động đến môi trường của các hạng mục không điều chỉnh, thay đổi, các công trình xử lý chất thải không có nội dung thay đổi và đã được phê duyệt theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1474/QĐ-UBND

ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Các hạng mục công trình của dự án không điều chỉnh hoặc bổ sung, Chủ dự án tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Đường dây 220 kV Phong Thổ - Than Uyên.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

+ Thu hồi diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất ảnh hưởng đến quy hoạch 3 loại rừng, kế hoạch quản lý, sử dụng tài nguyên rừng của cơ quan quản lý nhà nước, của các tổ chức, cá nhân được giao đất; tác động đến rừng, đa dạng sinh học....

+ Thu hồi diện tích đất lúa ảnh hưởng đến việc cung cấp lương thực, lao động nông nghiệp; sinh kế của người dân.

+ Hoạt động thi công xây dựng móng cột, vận chuyển máy móc, thiết bị đến vị trí móng cột, căng dãi dây tác động đến rừng, sản xuất nông nghiệp của nhân dân, hoạt động lưu thông trên đường giao thông...

+ Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá thừa đến bãi thải, từ hoạt động đào xúc đất đá với tác động của gió, chất thải xây dựng; quá trình thi công xây dựng Dự án.

+ Nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

+ Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Điện từ trường từ hệ thống tuyến đường dây.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thực hiện kiểm tra, giám sát tuyến đường dây.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ đường dây.

+ Chất thải rắn là thực bì phát sinh do chặt tỉa cành cây trong phạm vi hành lang tuyến đường dây.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, thay thế thiết bị, phụ kiện tuyến đường dây.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh lớn nhất trên mỗi cung đoạn thi công khoảng 5 m³/ngày (24 giờ). Thành phần ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

+ Nước thải xây dựng gồm nước ngấm ngấm vào hồ móng và lượng nước thừa trong quá trình đổ bê tông; lưu lượng lớn nhất khoảng 2m³/móng cột với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD.

+ Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất tại vị trí thi công 01 móng cột khoảng 0,216 m³/phút. Thành phần chủ yếu là nước mưa lẫn đất, cát, các chất lơ lửng từ bề mặt tràn qua với thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS và BOD₅.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành đường dây; khối lượng phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày (24 giờ) với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, nitơ, photpho, coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp móng cột; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị đến khu vực dự án, vận chuyển đất thừa, đất mặt trồng lúa đến vị trí tiếp nhận; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị. Thành phần ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng; từ quá trình hàn với thành phần ô nhiễm chủ yếu như khí CO, SO₂, NO_x, bụi đất, bụi cát,...

- Quy mô phát sinh: Cục bộ và tức thời, mức độ nhỏ.

b) Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất trên mỗi cung đoạn thi công khoảng 25kg/ngày từ hoạt động của công nhân xây dựng; thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khối lượng khoảng 6kg/ngày từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành tuyến đường dây, thành phần chủ yếu bao gồm vỏ chai lọ nhựa, hộp giấy, nilon, thức ăn thừa, vỏ rau củ quả,....

3.2.2. Chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động đào đắp móng cột trong quá trình thi công dự án là đất đá thừa với khối lượng khoảng 451.988 m³.

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường khối lượng khoảng 50kg/năm, từ hoạt động sửa chữa, thay thế một số thiết bị, phụ kiện trên tuyến đường dây bị hư hỏng.

- Đối với tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ: Khối lượng tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ 3.380 m³.

3.2.3. Chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Khối lượng khoảng 14,6kg/tháng. Thành phần gồm: giẻ lau dính dầu, mỡ, sơn, thùng đựng dầu nhớt; bóng đèn huỳnh quang hỏng.

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng khoảng 8kg/năm là giẻ lau dính dầu mỡ; nguồn phát sinh từ hoạt động duy tu, bảo trì tuyến đường dây. Thành phần chủ yếu pin, bóng đèn compact thải bỏ.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị và xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vận hành thiết bị thi công, vận chuyển đất đá thừa, đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Các tác động khác

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Tác động tới tài nguyên sinh vật do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, phát quang cây cối.

- Ảnh hưởng đến giao thông (*làm gián đoạn giao thông, tăng nguy cơ tai nạn giao thông*) do việc chuyên chở vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và công tác rải dây, căng dây.

- Tác động tới diện tích rừng tại các vị trí móng cột và đường tạm phục vụ thi công.

- Tác động tới sinh kế, đời sống người dân.

- Tác động do xảy ra rủi ro, sự cố trong quá trình xây dựng đường dây: tai nạn lao động, cháy rừng, sạt lở đất đá).

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Ảnh hưởng tới sức khỏe, điều kiện sinh hoạt của con người trong hành lang tiếp địa do điện từ trường, tiếng ồn từ hiện tượng phóng điện vàng quang.

- Ảnh hưởng do hạn chế khả năng sử dụng đất để đảm bảo an toàn điện theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sụt lún, sạt lở công trình; sự cố đổ trụ cột điện, đứt dây điện; sự cố điện giật và sét đánh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí trên mỗi cung đoạn thi công 02 nhà vệ sinh di động có kích thước 90 cm x 130 cm x 242 cm, dung tích bể chứa chất thải là 1.000 lít, bể chứa nước sạch dự trữ là 400 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Ngoài ra, bố trí các hố lắng tạm (*đào hố có kích thước: chiều rộng x chiều dài x chiều sâu = 2,0 m x 2,0 m x 1,0 m*), thành và đáy lót vật liệu chống thấm để thu gom, lắng các nguồn nước thải sinh hoạt khác như tắm giặt, rửa thức ăn trước khi cho chảy vào nguồn tiếp nhận. Quy trình xử lý qua hố lắng như sau:

+ Lượng nước thải xử lý bằng hố lắng: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tắm giặt, rửa thức ăn... xử lý qua hố lắng khoảng 2,0m³/ngày/vị trí lán trại.

+ Các hố lắng được lót 1 lớp vải bạt hoặc vải địa kỹ thuật để chống thấm, giảm thiểu việc xói lở hố lắng và thuận lợi trong việc thu gom lượng bùn thải, cặn bã.

+ Nước thải khi vào hố lắng sẽ làm giảm vận tốc dòng chảy, các chất lơ lửng, cặn bã... sẽ lắng xuống dưới tác dụng của trọng lực làm cho dòng nước trong hơn khi đi ra khỏi hố lắng. Nước sau hố lắng sẽ được cho chảy vào nguồn tiếp nhận là các kênh mương, suối, khe tụ thủy lân cận vị trí lán trại.

+ Sau khi kết thúc thi công, các hố lắng được nạo vét bùn, cặn và tiến hành lấp đất đưa về mục đích sử dụng đất ban đầu. Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được áp dụng theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Nước thải xây dựng: Bố trí các rãnh thu nước và hố lắng tạm để thu toàn bộ lượng nước thừa vào hố lắng (khoảng 2m³/vị trí) trước khi cho chảy vào

nguồn tiếp nhận. Các rãnh thu nước và hố lắng có thể được sử dụng cho cả việc thu gom nước mưa chảy tràn. Rãnh thu nước và hố lắng được đào với kích thước như sau:

+ Rãnh thu nước: Chiều rộng x chiều sâu = 1,0m x 1,0m, chiều dài tùy thuộc vào điều kiện địa hình và khoảng cách từ vị trí rửa cốt liệu đến hố lắng.

+ Hố lắng có dung tích khoảng 5,0m³. Các hố lắng được lót 1 lớp vải bạt hoặc vải địa kỹ thuật để chống thấm, giảm thiểu việc xói lở hố lắng và thuận lợi trong việc thu gom lượng bùn thải, cặn bã.

+ Nước thải khi vào hố lắng sẽ làm giảm vận tốc dòng chảy, các chất lơ lửng, cặn bã... sẽ lắng xuống dưới tác dụng của trọng lực làm cho dòng nước trong hơn khi đi ra khỏi hố lắng. Nước sau hố lắng sẽ được cho chảy vào nguồn tiếp nhận là các kênh mương, suối, khe tự thủy lân cận vị trí lán trại.

+ Sau khi kết thúc thi công, các hố lắng được nạo vét bùn, cặn và tiến hành lấp đất đưa về mục đích sử dụng đất ban đầu. Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được áp dụng theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Trong giai đoạn vận hành: Dự án không xây trụ sở riêng cho lực lượng cán bộ vận hành tuyến đường dây, cán bộ vận hành tuyến đường dây sử dụng hệ thống nhà vệ sinh sẵn có của các đơn vị truyền tải điện địa phương.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Các phương tiện tham gia hoạt động của Dự án phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu đi qua khu dân cư ở gần khu vực thi công với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 03 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Thường xuyên phun nước, duy trì độ ẩm cao trên bề mặt công trường, bãi chứa nguyên vật liệu, các đoạn đường giao thông vận chuyển nguyên vật liệu vào những ngày không có mưa; sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều, không gây đọng nước, mất vệ sinh với tần suất 02 lần/ngày.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh các phương tiện, máy móc phục vụ thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh bụi, khí thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Mỗi cung đoạn thi công bố trí 05 thùng rác (*thùng có màu xanh lá đựng chất thải thực phẩm; thùng có màu xanh lam đựng chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; thùng có màu đen đựng chất thải rắn sinh hoạt khác*).

+ Bố trí 01 kho chứa tạm chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12 m² tại mỗi cung đoạn thi công. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thực bì phát quang được thu gọn thành từng đồng trên diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng và sử dụng tạm thời của Dự án, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

+ Khối lượng đất đào tại các vị trí móng trụ được lưu chứa trong phạm vi chiếm đất tạm thời liền kề diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng. Khu vực chứa đất đào bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp 0,3 m nhằm ngăn đất hữu cơ lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh. Sau khi hoàn thành công tác đổ bê tông, toàn bộ lượng đất đào được tập trung vào móng để đầm nén, gia cố móng.

+ Khoảng 451.988 m³ đất đá dư thừa được thu gom và đổ thải tại các vị trí tiếp nhận đã được UBND các xã, phường và các hộ dân chấp thuận. Các khu vực bãi thải này do UBND các xã, phường và các hộ dân quản lý. Các lớp đất đá đổ thải được lu lèn chặt để ngăn sạt lở và bị nước mưa cuốn trôi. Kết thúc đổ thải sẽ san gạt bề mặt bãi thải cho bằng phẳng, tạo độ dốc thoát tự nhiên và bàn giao cho chủ sử dụng đất, chính quyền địa phương quản lý sử dụng, việc sử dụng cho đổ thải đảm bảo không thay đổi mục đích sử dụng đất, không gây tác động xấu đến môi trường.

+ Việc tận dụng đất đá thải của Dự án phải được thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

+ Chỉ đổ đất, đá thải phát sinh trong quá trình thi công vào bãi thải sau khi bãi thải đã được thi công theo thiết kế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở đất, đá; bảo đảm việc đổ đất thải, đá thải, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường. Đối với các vị trí đổ thải có nguy cơ sạt lở cao, chủ dự án phải thực hiện lu lèn, làm đê, kè đảm bảo ổn định đất đá thải để không bị sạt lở, sụt lún, lũ ống, lũ quét; vị trí đổ thải không nằm trong khu vực tụ thủy, khu vực có dòng chảy nước mặt chảy qua vào mùa mưa.

b) Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn thông thường phát sinh trong

giai đoạn vận hành được thu gom về trụ sở đơn vị quản lý vận hành hiện hữu và lưu giữ, xử lý theo quy định.

c) Biện pháp quản lý tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ:

- Tổng khối lượng đất bóc tách hữu cơ từ bề mặt đất trồng lúa khoảng 3.380m³ được thu gom và vận chuyển đến các vị trí tiếp nhận đã được UBND các xã, phường và các hộ dân chấp thuận. Đất mặt đất trồng lúa được vận chuyển, phủ lên diện tích đất yếu đã được san lấp tạo mặt bằng tại vị trí tiếp nhận phục vụ cho mục đích nông nghiệp.

- Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt trồng lúa, thực hiện biện pháp bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Các loại chất thải nguy hại tại mỗi cung đoạn thi công được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 02 thùng chứa chất thải loại 120 lít có nắp đậy kín, được dán nhãn phân loại CTNH, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Các thùng chứa được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại bãi tập kết nguyên vật liệu, thiết bị thi công có diện tích 12m². Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm đảm bảo kín khít và không bị thấm thấu, có gờ chống tràn tại cửa kho, trong kho bố trí cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, bên ngoài kho lắp đặt đầy đủ bảng tên, biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại, biển cấm lửa và trang bị vật tư, thiết bị phòng và ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom về trụ sở đơn vị quản lý vận hành hiện hữu và lưu giữ, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện thi công hiện đại, có mức gây ồn thấp khi thi công.
- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy theo đúng quy định.
- Không vận hành thiết bị, máy móc có độ ồn cao từ 11h30 - 13h00 và từ

22h00 hôm trước - 6h00 hôm sau để hạn chế ảnh hưởng đến các hộ dân sống ở khu vực lân cận.

- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thi công không chạy quá tốc độ 40 km/giờ và cấm bóp còi khi xe đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế.

- Công nhân lao động tại hiện trường được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

- Tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giảm thiểu tác động do việc sử dụng đất của dự án

- Với diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng: Phối hợp UBND xã, phường thực hiện tốt chính sách của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo cuộc sống của các hộ bị ảnh hưởng sớm được ổn định.

- Với diện tích đất sử dụng tạm thời: Phối hợp chính quyền UBND xã, phường, thỏa thuận, thống nhất hình thức thuê mượn đất, bồi thường cây cối hoa màu trên đất với các hộ gia đình có đất thuộc phạm vi sử dụng tạm; hoàn trả nguyên trạng mặt bằng theo đúng quy định sau khi hoàn thành thi công.

- Với diện tích đất trong hành lang an toàn (không bao gồm móng trụ): Phối hợp với chính quyền xã/phường thực hiện bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất theo đúng quy định.

b) Giảm thiểu tác động do việc chuyển mục đích sử dụng rừng, tạm sử dụng rừng

- Chỉ được triển khai thi công, làm đường tạm tại các vị trí có rừng sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng và chấp thuận phương án tạm sử dụng rừng theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập phương án trồng rừng thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận và thực hiện phương án trồng rừng thay thế với diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án theo đúng quy định tại Thông tư số 05/VBHN-BNNPTNT ngày 21/01/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Việc tận thu lâm sản do cơ quan kiểm lâm cùng chủ rừng thực hiện theo

đúng quy định.

- Chủ dự án phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

c) Giảm thiểu tác động do việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa

- Thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng phương án chi tiết sử dụng tầng đất mặt trồng lúa, thực hiện biện pháp bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định khoản 2 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa.

d) Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ, đường thủy cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

e) Giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học

- Tại đoạn tuyến có rừng tự nhiên: sử dụng cột có chiều cao từ 70m - 125m đảm bảo khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn 4m; sử dụng thiết bị bay có điều khiển để rải dây mỗi khi thi công rải căng dây. Đảm bảo không tác động đến diện tích rừng tự nhiên hiện có trong hành lang tuyến trong cả giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án trừ diện tích đã được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, tạm sử dụng rừng.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho cán bộ, công nhân viên của Dự án. Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học khu vực thi công xây dựng.

- Thực hiện các nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật, chặt phá thực vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bừa bãi xuống sông, suối, kênh, mương.

g) Giảm thiểu sự cố sạt lở, sụt lún

- Thi công đảm bảo mái dốc taluy theo đúng thiết kế để đảm bảo ổn định sự an toàn của công trình.

- Thực hiện kê móng bằng đá hộc tại các vị trí móng cột có nguy cơ sạt lở để giữ phần đất trên móng và taluy âm; bố trí rãnh thoát nước phía taluy dương và trên mặt móng; trồng cỏ gia cố trên sườn dốc để tăng ổn định, chống sạt trượt.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi lắng cao đặc biệt trong các thời điểm có điều kiện thời tiết bất thường.

- Trong quá trình thi công nếu xuất hiện hiện tượng xói lở, đơn vị thi công phải tạm dừng thi công để xem xét đánh giá mức độ ảnh hưởng và có biện pháp xử lý phù hợp.

- Hạn chế hoạt động thi công khi có mưa lớn.

- Lắp biển cảnh báo, thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở.

h) Giảm thiểu tác động điện trường

- Thường xuyên kiểm tra chiều cao treo dây tĩnh không đoạn vồng nhất của đường dây giữa 02 khoảng cột liên kề so với mặt đất theo quy định của ngành điện; khi chiều cao tĩnh không không đạt yêu cầu tiến hành căng dây, bảo dưỡng để đảm bảo chiều cao treo dây tối thiểu như quy định.

- Thực hiện đo đạc, kiểm tra định kỳ khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm giao chéo với đường bộ, đường dây điện lực, gần khu dân cư để có biện pháp giảm thiểu đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

- Kiểm tra thiết bị nối đất của tất cả công trình tồn tại trong hành lang tiếp địa.

i) Giảm thiểu tác động khác

- Giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

- Tuân thủ việc đổ thải tại các bãi thải đã quy hoạch và được đồng ý về vị trí đổ thải của chính quyền địa phương. Chấp hành tuyệt đối quy trình đổ thải (chất thải đổ theo lớp, các lớp được lu nén; gia cố nền và vách bãi thải bằng vật liệu có độ thấm thấu thấp rồi lu lèn; san gạt tạo mặt bằng sau khi kết thúc); cấm biển báo, rào chắn tại cổng ra vào; quản lý xe ra vào. Thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công. Sau khi hoàn thành đổ thải, chủ đầu tư phải phục hồi môi trường và bàn giao cho chính quyền địa phương, người dân quản lý, sử dụng theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình về khoan nổ mìn; hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện công tác nổ mìn thi công các hạng mục công trình; đảm bảo việc nổ mìn theo đúng thiết kế, tuân thủ nghiêm các quy phạm an toàn về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực nổ mìn; không để người dân, công nhân hoạt động trong phạm vi an toàn nổ mìn.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện đầy đủ theo quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng do việc hình thành hành lang bảo vệ an toàn tuyến đường dây.

k) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động: Tuân thủ đúng quy trình thi công các hạng mục công trình; hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành tiến hành dò tìm, xử lý bom mìn, vật liệu nổ trên toàn bộ khu vực Dự án để phòng tránh tai nạn lao động; lắp đặt các biển hiệu cảnh báo nguy hiểm, quy định tốc độ để hạn chế tai nạn giao thông.

- Sự cố cháy rừng: Tất cả công nhân viên trước khi thi công được tập trung phổ biến, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy rừng. Dựng biển báo về an toàn phòng chống cháy rừng tại mỗi vị trí thi công móng cột đi qua phần đất rừng. Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức tuần tra định kỳ cùng với cán bộ chủ quản rừng địa phương trong suốt thời gian thi công.

- Sự cố cháy nổ: Tất cả công nhân viên trước khi thi công được tập trung phổ biến, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy nổ.

- Sự cố sạt lở đất đá: Thường xuyên theo dõi cảnh báo khí tượng thủy văn; không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố. Thường xuyên theo dõi, giám sát sạt lở, sụt lún dọc tuyến đường dây và các vị trí móng cột trong giai đoạn vận hành; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Sự cố thiên tai: Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão; thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để cập nhật thông tin, phối hợp triển khai các phương án phòng chống.

- Tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên; lắp hàng rào, biển báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn thiết kế khi thi công Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Giai đoạn thi công xây dựng Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện Chương trình quản lý môi trường của dự án; giai đoạn vận hành, đơn vị được bàn giao chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần trong thời gian thi công.

b) Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: tại các vị trí sườn đồi có nguy cơ sạt lở.

- Tần suất giám sát: Liên tục.

- Yêu cầu giám sát: Quan sát, kịp thời phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục.

5.2.2. Trong giai đoạn vận hành

Giai đoạn vận hành giám sát điện từ trường, cụ thể:

- Vị trí giám sát: các vị trí tuyến đường dây giao cắt với các khu vực nhạy cảm (khu dân cư, nhà cửa vật kiến trúc, đường xá,...)

- Thông số: điện từ trường.

- Tần suất giám sát: định kỳ 06 tháng/lần.

- Quy định so sánh: Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực và QCVN 25/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

- Sau khi dự án đóng điện: thực hiện giám sát điện từ trường 01 lần tại các nhà/vật kiến trúc nổi bật trong và liền kề hành lang bảo vệ an toàn đường dây đến 25m từ dây dẫn ngoài cùng (hoặc dưới cùng).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ được phép triển khai thi công xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất công trình năng lượng theo đúng quy định pháp luật; hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ đối với diện tích hành lang tuyến, diện tích đất chiếm dụng để thi công tuyến đường dây; hoàn thành thủ tục giao đất, thuê đất theo các quy định của pháp luật.

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng khu vực Dự án và lân cận: Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản. Trong quá trình thực hiện thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông và đường dây điện hiện hữu, đề nghị thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực và các quy định khác có liên quan.

- Hoàn thiện thủ tục đăng ký nhu cầu danh mục công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất năm 2025; Thực hiện quy định về bảo vệ đất trồng lúa (Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa); thực hiện đảm bảo quy định pháp luật về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, quy định về bảo vệ môi trường. Chỉ được phép triển khai thi công xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất công trình năng lượng theo đúng quy định pháp luật; hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ đối với diện tích hành lang tuyến, diện tích đất chiếm dụng để thi công tuyến đường dây; hoàn thành thủ tục giao đất, thuê đất theo các quy định của pháp luật.

- Đối với những diện tích dự án có ảnh hưởng đến hiện trạng rừng, chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thủ tục về tạm sử dụng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Không tác động đến rừng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Đối với diện tích rừng sử dụng làm đường tạm thi công, đề nghị thực hiện đảm bảo theo quy định pháp luật, hoàn trả lại diện tích rừng bị tác động; trong quá trình thi công, vận hành không ảnh hưởng đến diện tích rừng dưới hành lang lưới điện và khu vực lân cận dự án.

- Phối hợp chính quyền địa phương, chủ sử dụng đất khi thi công, tránh ảnh hưởng dân sinh và đất canh tác; quản lý chặt chẽ bãi đổ thải, phương tiện vận chuyển; có biện pháp giảm bụi, tiếng ồn; bố trí cán bộ giám sát môi trường thường xuyên tại công trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch thi công đường dây tại những điểm giao cắt với đường giao thông; thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông (nếu có).

- Trong quá trình thi công, vận hành Dự án nếu gây ra hư hỏng đường, mặt đường thì phải sửa chữa, khắc phục kịp thời và đảm bảo. Đảm bảo, hoàn trả lại hiện trạng khi có hư hỏng về hạ tầng kỹ thuật trong quá trình vận chuyển, thi công xây dựng; đền bù 100% số cây phải chặt để đảm bảo khoảng cách cho an toàn hành lang tuyến đường dây.

- Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân về bảo vệ môi trường.
 - Thực hiện nghiêm công tác cải tạo, phục hồi cảnh quan, hoàn trả diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án.
 - Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.
 - Thực hiện các giải pháp phù hợp để phòng ngừa, chống sạt lở, xói mòn và bảo vệ môi trường đất khu vực Dự án; kịp thời khắc phục, bồi thường các sự cố, thiệt hại đến môi trường do Dự án gây ra.
 - Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.
 - Thực hiện các biện pháp cải tạo, nới đất công trình, bảo đảm quy định về an toàn điện của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định về bảo vệ hành lang an toàn lưới điện trong quá trình thi công và vận hành Dự án.
 - Quan tâm hỗ trợ cho địa phương cũng như cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng tiêu cực của dự án các vấn đề an sinh xã hội; thực hiện đền bù thỏa đáng cho nhân dân trước khi triển khai thi công xây dựng dự án; cam kết thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nhân dân, tránh gây mất trật tự an ninh – xã hội.
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.
-